

Cần Thơ, ngày 21 tháng 04 năm 2026

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua Phương án tăng Vốn điều lệ Vietbank năm 2026

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Thông tư số 50/2025/TT-NHNN ngày 24/12/2025 quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Căn cứ Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính v/v hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank);
- Căn cứ kế hoạch kinh doanh năm 2026,

Hội đồng quản trị trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông các nội dung liên quan đến Phương án tăng Vốn điều lệ Vietbank năm 2026, cụ thể như sau:

I. Sự cần thiết phải tăng vốn điều lệ:

Việc tăng vốn điều lệ năm 2026 của Vietbank là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng, nhằm nâng cao năng lực tài chính, năng lực hoạt động và khả năng cạnh tranh của Ngân hàng để thực hiện các mục tiêu chiến lược của Vietbank, cụ thể:

- Đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các chỉ tiêu về an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước cũng như nâng cao năng lực quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng;
- Nâng cao năng lực hoạt động bằng việc đầu tư, phát triển hệ thống công nghệ thông tin theo định hướng ngân hàng số hiện đại và hệ thống thẻ ngân hàng, nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh, công tác quản trị Ngân hàng và cung ứng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng mới;
- Nâng cao khả năng mở rộng, phát triển mạng lưới hoạt động của Ngân hàng;
- Bổ sung nguồn vốn trong hoạt động kinh doanh khác sinh lời cho Ngân hàng.

II. Kế hoạch tăng vốn điều lệ:

1. Mức tăng vốn điều lệ

-Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2025: 10.768.973.840.000 đồng (Bằng chữ: Mười nghìn bảy



trăm sáu mươi tám tỷ chín trăm bảy mươi ba triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn) tương ứng với 1.076.897.384 cổ phần, trong đó:

✓ Cổ phần phổ thông: 1.076.897.384 cổ phần;

✓ Cổ phiếu quỹ: 0.

- Tổng mức vốn điều lệ dự kiến tăng thêm tối đa: **4.778.732.130.000** đồng (Bảng chữ: Bốn nghìn bảy trăm bảy mươi tám tỷ bảy trăm ba mươi hai triệu một trăm ba mươi ngàn đồng chẵn), trong đó:

- + Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm lần 1 là **1.076.897.380.000** đồng (Bảng chữ: Một nghìn không trăm bảy mươi sáu tỷ tám trăm chín mươi bảy triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng chẵn) thông qua hình thức phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu (lợi nhuận lũy kế chưa phân phối và Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đến hết năm 2025). Số lượng cổ phần dự kiến phát hành thêm là **107.689.738** cổ phần (tương ứng với tỷ lệ tăng 10% tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành). Vốn điều lệ mới sau khi tăng thêm lần 1: **11.845.871.220.000** đồng (Bảng chữ: Mười một nghìn tám trăm bốn mươi lăm tỷ tám trăm bảy mươi một triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng chẵn).
- + Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm lần 2 là **2.961.467.800.000** đồng (Bảng chữ: Hai nghìn chín trăm sáu mươi một tỷ bốn trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm ngàn đồng chẵn) thông qua hình thức chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu (cổ đông góp vốn mới). Số lượng cổ phần dự kiến chào bán (phát hành) thêm là **296.146.780** cổ phần (tương ứng với tỷ lệ tăng 25% so với Vốn điều lệ đã được tăng lần 1). Vốn điều lệ mới sau khi tăng thêm lần 2: **14.807.339.020.000** đồng (Bảng chữ: Mười bốn nghìn tám trăm lẻ bảy tỷ ba trăm ba mươi chín triệu không trăm hai mươi ngàn đồng chẵn).
- + Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm lần 3 là 5% so với tổng Vốn điều lệ đã được tăng thêm lần 2, tương ứng dự kiến tăng tối đa là **740.366.950.000** đồng (Bảng chữ: Bảy trăm bốn mươi tỷ ba trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng chẵn) thông qua hình thức phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho Người lao động năm 2026 (Chương trình ESOP 2026). Theo đó số lượng cổ phần dự kiến phát hành thêm là **74.036.695** cổ phần (Bảng chữ: Bảy mươi bốn triệu không trăm ba mươi sáu ngàn sáu trăm chín mươi lăm cổ phần).
- + Tổng vốn điều lệ mới dự kiến sau khi hoàn thành việc tăng vốn: **15.547.705.970.000** đồng (Bảng chữ: Mười lăm nghìn năm trăm bốn mươi bảy tỷ bảy trăm lẻ năm triệu chín trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn).

2. Phương án tăng vốn điều lệ

2.1 Phương án tăng vốn điều lệ lần 1 thông qua hình thức phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu:

- Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm **1.076.897.380.000** đồng (Bảng chữ: Một nghìn không trăm bảy mươi sáu tỷ tám trăm chín mươi bảy triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng chẵn) thông qua việc phát hành **107.689.738** (Bảng chữ: Một trăm lẻ bảy triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm ba mươi tám) cổ phần phổ thông từ nguồn vốn chủ sở hữu (lợi nhuận lũy kế chưa phân phối và Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đến hết năm 2025) (tương ứng với tỷ lệ tăng 10% tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành).

- Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của Vietbank tại thời điểm chốt danh sách cổ đông theo quy định của pháp luật;
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: **107.689.738 CP** (Bằng chữ: Một trăm lẻ bảy triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm ba mươi tám), mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần;
- Tổng mệnh giá phát hành: **1.076.897.380.000** đồng (Bằng chữ: Một nghìn không trăm bảy mươi sáu tỷ tám trăm chín mươi bảy triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng chẵn);
- Nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ: từ nguồn vốn chủ sở hữu (lợi nhuận lũy kế chưa phân phối và Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đến hết năm 2025), phù hợp với quy định, trong đó:

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số dư theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán tại 31/12/2025	Số dư theo Báo cáo tài chính riêng lẻ đã kiểm toán tại 31/12/2025	Số tiền sử dụng để tăng vốn điều lệ
1	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	129.998.078.733	129.998.078.733	125.000.000.000
2	Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối lũy kế	960.548.932.691	955.300.813.691	951.897.380.000
2.1	Lợi nhuận dùng để phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	951.897.380.000	951.897.380.000	951.897.380.000
2.2	Lợi nhuận lũy kế còn lại	8.651.552.691	3.403.433.691	-
3	Các quỹ khác	548.311.157.320	548.311.157.320	-
3.1	Quỹ dự phòng tài chính	527.817.338.799	527.817.338.799	-
3.2	Quỹ khen thưởng	12.442.365.474	12.442.365.474	-
3.3	Quỹ phúc lợi	8.051.453.047	8.051.453.047	-
Số tiền được sử dụng để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu				1.076.897.380.000

- Vốn điều lệ mới sau khi tăng vốn lần 1: **11.845.871.220.000** đồng (Bằng chữ: Mười một nghìn tám trăm bốn mươi lăm tỷ tám trăm bảy mươi một triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng chẵn).
- Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 05% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn lần 1 – đính kèm.
- Thời gian dự kiến phát hành và thời gian dự kiến hoàn thành: Dự kiến từ Quý 2 đến Quý 3 năm 2026. Thời điểm cụ thể giao cho HĐQT quyết định trên cơ sở phù hợp với Giấy phép/Chấp thuận của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và sau khi UBCKNN thông báo về việc nhận được tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo quy định, phù hợp với điều kiện thị trường.
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không bị hạn chế chuyển nhượng;
- Phương án xử lý cổ phần, cổ phiếu lẻ:
 - ✓ Số lượng cổ phần, cổ phiếu phát hành được tính theo số nguyên, phần thập phân sẽ không được làm tròn thành 01 cổ phiếu;

- ✓ Số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) giao cho HĐQT quyết định.

2.2 Phương án tăng vốn điều lệ lần 2 thông qua hình thức chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu (cổ đông góp vốn mới):

- Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm **2.961.467.800.000 đồng** (Bằng chữ: Hai nghìn chín trăm sáu mươi một tỷ bốn trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm ngàn đồng chẵn) thông qua hình thức chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu (cổ đông góp vốn mới). Số lượng cổ phần dự kiến chào bán (phát hành) thêm là **296.146.780** cổ phần (tương ứng với tỷ lệ tăng 25% so với Vốn điều lệ đã được tăng lần 1 tại mục 2.1).
- Đối tượng chào bán: cổ đông hiện hữu có tên trong Danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông theo quy định của pháp luật hiện hành;
- Số lượng cổ phần dự kiến chào bán: **296.146.780 CP** (Bằng chữ: Hai trăm chín mươi sáu triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm tám mươi) cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần;
- Loại chứng khoán chào bán (phát hành): cổ phiếu phổ thông;
- Giá chào bán (phát hành): 10.000 đồng/CP.
- Tổng mệnh giá (giá trị) cổ phiếu chào bán: **2.961.467.800.000 đồng** (Bằng chữ: Hai nghìn chín trăm sáu mươi một tỷ bốn trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm ngàn đồng chẵn).
- Số đợt chào bán (phát hành): 01 đợt.
- Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 05% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn lần 2 – đính kèm.
- Thời gian dự kiến chào bán (phát hành) và thời gian dự kiến hoàn thành: Dự kiến từ Quý 3 đến Quý 4 năm 2026. Thời điểm cụ thể giao cho HĐQT quyết định trên cơ sở phù hợp với Giấy phép/Chấp thuận của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và phù hợp với điều kiện thị trường.
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không bị hạn chế chuyển nhượng;
- Phương án xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết (Số lượng cổ phiếu mà do cổ đông không thực hiện quyền mua toàn bộ hoặc chỉ thực hiện quyền mua một phần hoặc không nộp tiền mua trong thời hạn quy định; Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống khi tính toán cổ phiếu được mua của cổ đông hiện hữu; Số cổ phiếu chênh lệch phát sinh giữa tổng số lượng cổ phiếu đã xin phép phát hành và tổng số lượng cổ phiếu thực tế được phát hành với tỷ lệ thực hiện quyền (nếu có) được thực hiện như sau:
 - ✓ Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết được chào bán cho nhà đầu tư khác theo tiêu chí lựa chọn do Hội đồng quản trị thông qua với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu, bằng mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu; Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết khi chào bán cho nhà đầu tư khác theo quyết định của Hội đồng quản trị sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành. Việc phân phối số cổ phiếu không chào bán hết cho các nhà đầu tư khác phải đáp ứng các điều kiện theo Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP (bao gồm các văn bản sửa đổi, bổ sung) và các quy định pháp luật liên quan; Trường hợp sau khi chào bán cho nhà đầu tư khác mà vẫn còn dư, Hội đồng quản trị quyết định hủy và và ra quyết định kết thúc đợt phát hành;

Hoặc:

- ✓ Hội đồng quản trị quyết định hủy và ra quyết định kết thúc đợt phát hành.
 - Phương án xử lý cổ phần, cổ phiếu lẻ:
 - ✓ Số lượng cổ phần, cổ phiếu chào bán (phát hành) được tính theo số nguyên, phần thập phân sẽ không được làm tròn thành 01 cổ phiếu;
 - ✓ Số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) giao cho HĐQT quyết định.
 - Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ Đợt chào bán: Số tiền thu được từ việc chào bán cổ phiếu sẽ được sử dụng cho mục đích bổ sung nguồn vốn kinh doanh để tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2026 và các năm tiếp theo, phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.
- 2.3 Phương án tăng vốn điều lệ lần 3 thông qua hình thức phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho Người lao động trong năm 2026 (Chương trình ESOP 2026):**
- Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm lần 3 là **5%** so với tổng Vốn điều lệ đã được tăng thêm lần 2 (tại mục 2.2), tương ứng dự kiến tăng tối đa là **740.366.950.000 đồng** (*Bằng chữ: Bảy trăm bốn mươi tỷ ba trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng chẵn*) thông qua hình thức phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho Người lao động năm 2026. Theo đó số lượng cổ phần dự kiến phát hành thêm là **74.036.695 CP** (*Bằng chữ: Bảy mươi bốn triệu không trăm ba mươi sáu ngàn sáu trăm chín mươi lăm cổ phần*).
 - Trong trường hợp tại thời điểm phát hành, số lượng cổ phiếu đang lưu hành có thay đổi so với dự kiến trên (do ảnh hưởng của kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng), thì số lượng cổ phiếu phát hành thêm sẽ được xác định bằng 5% trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành thực tế tại thời điểm phát hành. Giao Hội đồng quản trị căn cứ nguyên tắc này để tính toán và quyết định số lượng cổ phiếu phát hành cụ thể.
 - Đối tượng phát hành: Cán bộ nhân viên đã ký Hợp đồng lao động chính thức với Ngân hàng, Công ty con tại thời điểm lập danh sách, đáp ứng tiêu chuẩn người lao động tham gia chương trình ESOP 2026 và được HĐQT phê duyệt trong danh sách tham gia Chương trình ESOP 2026.
 - Tiêu chuẩn người lao động được tham gia Chương trình ESOP năm 2026 và nguyên tắc xác định số lượng cổ phiếu phân phối cho từng người lao động: chi tiết theo Quy chế phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động của Vietbank năm 2026 – “Quy chế ESOP”) - đính kèm.
 - Loại chứng khoán phát hành: cổ phiếu phổ thông;
 - Giá phát hành: 10.000 đồng/CP.
 - Số đợt phát hành: 01 đợt.
 - Phương án đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài:
 - + Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 30% theo quy định của pháp luật;
 - + Tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài thời điểm 31/03/2026 là 0,0198% và dự kiến sau khi tăng vốn điều lệ lần 3 là 0,0188%;

- Chuyển nhượng quyền mua: Không được chuyển nhượng quyền mua.
- Hạn chế chuyển nhượng: theo quy định tại Quy chế phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động của Vietbank năm 2026 – “Quy chế ESOP” - đính kèm.
- Phương án xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết do người lao động không đăng ký mua hoặc có đăng ký mua nhưng không nộp tiền hoặc nộp không đủ tiền, cổ phiếu vượt quá 05% số cổ phần đang lưu hành hoặc các trường hợp khác:
 - + ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT toàn quyền quyết định, phân phối lại cho người lao động khác theo danh sách đã được lựa chọn ban đầu với cùng mức giá phát hành. Số lượng cổ phiếu được phân phối lại sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
 - + Trường hợp, HĐQT không phân phối hết số lượng cổ phiếu này thì số lượng cổ phiếu còn dư không phát hành hết sẽ được hủy bỏ và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt phát hành.
- Thời gian dự kiến phát hành và thời gian dự kiến hoàn thành: Dự kiến Quý 4 năm 2026 đến Quý 1 năm 2027. Thời điểm cụ thể giao cho HĐQT quyết định trên cơ sở phù hợp với Giấy phép/Chấp thuận của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và sau khi UBCKNN thông báo về việc nhận được tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo quy định, phù hợp với điều kiện thị trường.

3. Kế hoạch sử dụng vốn thu được

Toàn bộ vốn điều lệ dự kiến tăng thêm **4.778.732.130.000 đồng** được dự kiến sử dụng cho việc đầu tư tài sản cố định, hệ thống công nghệ thông tin, bổ sung nguồn vốn kinh doanh, phát triển mở rộng mạng lưới hoạt động của Ngân hàng, bảo đảm tuân thủ các tỷ lệ an toàn trong hoạt động, sinh lợi cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

III. Các chỉ tiêu tài chính dự kiến sau phát hành:

Đối với kế hoạch tăng vốn điều lệ và sử dụng vốn điều lệ tăng thêm như trên, Vietbank dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh chính năm 2026 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Đơn vị tính: Tỷ đồng, %	
			Kế hoạch năm 2026	
			Chỉ tiêu	% tăng trưởng
1	Vốn điều lệ	10.769	15.548	44%
2	Tổng Tài sản	196.771	230.000	17%
3	Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	1.532	2.100	37%
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	11,45%	≥ 13,5%	
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản Có bình quân (ROA)	0,67%	0,80%	0,13%
6	Các tỷ lệ đảm bảo an toàn khác	Tuân thủ quy định của NHNN	Đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN	

IV. Kiến nghị:

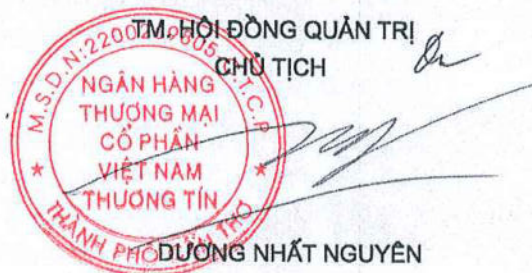
Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua:

1. Chấp thuận mức vốn điều lệ mới trên cơ sở kết quả triển khai thành công của các Phương án.
2. Giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc triển khai, thực hiện Phương án tăng vốn điều lệ năm 2026 phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi của cổ đông Ngân hàng, bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề sau:
 - 2.1 Các vấn đề, thủ tục pháp lý cần thiết, kể cả việc sửa đổi, bổ sung hoàn chỉnh Phương án khi trình để được Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền xem xét và chấp thuận, dựa trên các nguyên tắc phù hợp với điều kiện thực tế hoạt động của Vietbank; tuân thủ đúng quy định của pháp luật; và đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
 - 2.2 Thời điểm phát hành kể cả thời điểm dừng đợt phát hành cổ phiếu phù hợp với thực tế và hướng dẫn của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền;
 - 2.3 Xử lý số cổ phiếu lẻ;
 - 2.4 Sửa đổi, bổ sung kế hoạch sử dụng vốn thu được, để đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật, phù hợp với thực tế kinh doanh và đem lại hiệu quả cho Vietbank;
 - 2.5 Thực hiện các thủ tục pháp lý về sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động, Điều lệ và các giấy tờ pháp lý khác có liên quan đến cập nhật mức vốn điều lệ mới của Vietbank.
 - 2.6 Xây dựng kế hoạch sử dụng vốn chi tiết cho từng mục đích sử dụng, thứ tự ưu tiên; điều chỉnh, bổ sung phương án phù hợp với tình hình thực tế và pháp luật; xây dựng phương án chào bán đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài; phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết (trong đó có tiêu chí nhà đầu tư, đảm bảo điều kiện chào bán, giá chào bán,...) đối với các đợt tăng vốn điều lệ theo Tờ trình này.
 - 2.7 Xác định các trường hợp mua lại cổ phiếu và phương án bán ra số cổ phiếu được mua lại; phương án phát hành đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với Chương trình ESOP 2026.
 - 2.8 Giao/ủy quyền cho HĐQT và đồng ý cho HĐQT được giao/ủy quyền lại cho Chủ tịch HĐQT và/hoặc Tổng Giám đốc toàn quyền quyết định, thực hiện các công việc và thủ tục cần thiết để hoàn tất việc phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP 2026 bao gồm:
 - Quyết định thời điểm thực hiện Chương trình ESOP 2026;
 - Quyết định chi tiết việc thực hiện Quy chế phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP 2026 và việc sửa đổi, bổ sung Quy chế (nếu có) trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật và của Vietbank và báo cáo lại ĐHCĐ trong kỳ họp gần nhất;
 - Xử lý số lượng cổ phần phát hành chưa phân phối hết (nếu có);
 - Quyết định toàn bộ các vấn đề có liên quan đến Chương trình ESOP 2026 và điều chỉnh những thay đổi của Chương trình ESOP 2026 (nếu có) đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật. Thực hiện các công việc/thủ tục cần thiết cho việc phát hành cổ phiếu theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật để đảm bảo thực hiện thành công Chương trình ESOP 2026;
 - Bổ sung hoặc sửa đổi Phương án phát hành theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và/hoặc cho mục đích tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.
 - 2.9 Các vấn đề khác phù hợp theo quy định của pháp luật.

3. Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ nêu trên, Hội đồng quản trị có quyền quyết định các nội dung trong phạm vi nhiệm vụ được ủy quyền; Thực hiện và/hoặc chỉ đạo, phân công các đơn vị thuộc Vietbank thực hiện các công việc cần thiết theo quy định của pháp luật; Hoàn chỉnh, hoàn thiện và ký các văn bản, giấy tờ, tài liệu có liên quan; Làm việc với các Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và các Bên liên quan; Thực hiện mọi công việc và thủ tục cần thiết khác để triển khai nhiệm vụ được giao, phù hợp với quy định pháp luật.

Kính báo cáo và trình Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.

Trân trọng./.



QUY CHẾ
PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN
CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG
CỦA NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN NĂM 2026
(Đính kèm Tờ trình v/v Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ Vietbank năm 2026)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Quy chế này áp dụng trong việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank) năm 2026.
2. Quy chế này áp dụng đối với toàn thể cán bộ nhân viên của Vietbank và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty con của Vietbank (Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Việt Nam Thương Tín).

Điều 2. Giải thích từ ngữ và từ viết tắt

Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu *và/hoặc* viết tắt như sau:

1. **UBCKNN**: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2. **TCTD**: Tổ chức tín dụng.
3. **Vietbank**: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
4. **ĐHĐCĐ**: Đại hội đồng cổ đông.
5. **HDQT**: Hội đồng quản trị.
6. **Chương trình ESOP 2026**: Employee Stock Ownership Plan – Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín năm 2026.
7. **Cổ phiếu**: Là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành.
8. **Cổ phiếu ESOP**: Là cổ phiếu được phát hành theo Chương trình ESOP.
9. **AMC**: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Việt Nam Thương Tín.
10. **CBNV/Người lao động**: Cán bộ nhân viên của Vietbank và của AMC.
11. **Công đoàn**: Công đoàn của Vietbank.
12. **Thành viên ESOP**: Là CBNV đáp ứng các tiêu chuẩn của Chương trình ESOP.
13. **Ngày kết thúc đợt phát hành**: Là ngày kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu ESOP của người lao động theo quyết định của HDQT.
14. **Tờ trình**: Tờ trình ĐHĐCĐ v/v Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ Vietbank năm 2026.

Điều 3. Mục đích của Chương trình ESOP 2026

1. Ghi nhận và khen thưởng xứng đáng cho người lao động có thành tích vượt trội;
2. Gắn kết lợi ích của người lao động với kết quả hoạt động của Vietbank;
3. Thu hút và giữ chân người lao động.

Điều 4. Ban điều hành ESOP

1. Ban điều hành ESOP bao gồm các thành viên sau:

• Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch Ủy ban Nhân sự	: Trưởng Ban
• Tổng giám đốc/Quyền Tổng giám đốc	: Thành viên
• Kế toán trưởng	: Thành viên
• Chủ tịch Ban chấp hành Công đoàn	: Thành viên
• Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Nhân sự/ GĐ Khối Nhân sự	: Thành viên
• Chánh văn phòng HĐQT	: Thành viên
• Giám đốc/Phó giám đốc Phụ trách Trung tâm NNL	: Thư ký
2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban điều hành ESOP:
 - Thực hiện triển khai Chương trình ESOP theo phương án phát hành phù hợp với nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua và theo Quy chế này.
 - Lập và trình HĐQT quyết định: (i) danh sách CBNV đủ điều kiện tham gia Chương trình ESOP kèm số lượng cổ phiếu phân phối cho từng CBNV dựa trên đối tượng, tiêu chuẩn và nguyên tắc xác định số cổ phiếu cho từng CBNV đã được ĐHĐCĐ thông qua; (ii) cập nhật, bổ sung, điều chỉnh danh sách CBNV tham gia Chương trình ESOP, bao gồm việc chấm dứt tư cách thành viên ESOP; (iii) các vấn đề khác của Chương trình ESOP theo quy định.
3. Ban điều hành ESOP hoạt động kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành và tự động chấm dứt hoạt động sau khi đã hoàn thành các nhiệm vụ theo khoản 2 Điều này.

Chương II

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ESOP

Điều 5. Thông tin về cổ phiếu ESOP

1. Tổ chức phát hành: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
2. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
3. Mã chứng khoán: VBB
4. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
5. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
6. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 5% so với tổng Vốn điều lệ đã được tăng thêm lần 2 theo Tờ trình, tương ứng dự kiến hành thêm tối đa là 74.036.695 cổ phần (*Bảng chữ: Bảy mươi bốn triệu không trăm ba mươi sáu ngàn sáu trăm chín mươi lăm cổ phần*).

7. Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành (theo mệnh giá): 5% so với tổng Vốn điều lệ đã được tăng thêm lần 2 theo Tờ trình, tương ứng dự kiến tăng tối đa là 740.366.950.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm bốn mươi tỷ ba trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng chẵn).

Trong trường hợp tại thời điểm phát hành, số lượng cổ phiếu đang lưu hành có thay đổi so với dự kiến trên (do ảnh hưởng của kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng), thì số lượng cổ phiếu phát hành thêm sẽ được xác định bằng 5% trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành thực tế tại thời điểm phát hành. Giao Hội đồng quản trị căn cứ nguyên tắc này để tính toán và quyết định số lượng cổ phiếu phát hành cụ thể.

8. Giá phát hành: bằng mệnh giá (10.000 đồng/cổ phiếu).
9. Hình thức phát hành: phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP.
10. Thời gian dự kiến phát hành: Dự kiến Quý 4 năm 2026 đến Quý 1 năm 2027. Thời điểm cụ thể giao cho HĐQT quyết định trên cơ sở phù hợp với Giấy phép/Chấp thuận của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và phù hợp với điều kiện thị trường.

Điều 6. Đối tượng và tiêu chuẩn xét chọn tham gia Chương trình ESOP

CBNV được tham gia chương trình ESOP là CBNV đang làm việc tại Vietbank dưới hình thức HĐLĐ không xác định thời hạn hoặc HĐLĐ có thời hạn từ 12 tháng trở lên, có quốc tịch Việt Nam và thỏa mãn các tiêu chuẩn sau đây:

1. Có thâm niên công tác (bao gồm cả thời gian thử việc, học việc) từ đủ 01 (một) năm trở lên tính đến thời điểm chốt danh sách người lao động tham gia Chương trình ESOP;
2. Được xếp loại cuối năm 2025 từ Cấn cố gắng trở lên, trường hợp chưa có kết quả xếp loại 2025 thì căn cứ vào kết quả 6 tháng đầu năm 2026;
3. Và không thuộc 01 (một) trong các trường hợp sau đây:
 - Đã nộp đơn xin nghỉ việc và đang chờ giải quyết; hoặc Đơn vị quản lý CBNV đề xuất bằng văn bản về việc chấm dứt hợp đồng lao động của CBNV.
 - Nghỉ không lương với thời hạn liên tục từ đủ 06 (sáu) tháng trở lên trong vòng 01 (một) năm tính đến thời điểm chốt danh sách người lao động tham gia Chương trình ESOP.
 - Đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, tạm đình chỉ công việc/công tác/chức vụ theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; hoặc đang nghỉ việc không có lý do chính đáng.
 - Đang bị xem xét xử lý kỷ luật trên cơ sở đã có đề nghị bằng văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc đã có quyết định thành lập Hội đồng xử lý kỷ luật hoặc đang trong thời gian bị xử lý kỷ luật hoặc đã bị xử lý kỷ luật lao động từ mức Khiển trách trở lên trong vòng 01 (một) năm tính đến thời điểm chốt danh sách người lao động tham gia Chương trình ESOP.
 - Các trường hợp bị đánh giá không tuân thủ theo quy định nội bộ của ngân hàng; các trường hợp vi phạm lỗi nghiệp vụ, lỗi tuân thủ... theo kết quả kiểm tra, kiểm soát của KTNB, KSTT và (hoặc) các cơ quan quản lý; các trường hợp bị nhắc nhở của cấp quản lý. HĐQT quyết định cụ thể các trường hợp này.

Chau

3026
GÂN H
HUON
CÓ PH
VIỆT
THUON
VI PH

Điều 7. Nguyên tắc xác định số lượng cổ phiếu phân phối cho từng CBNV

1. Tổng số lượng cổ phiếu được phân phối của nhóm chức danh:

Nhóm	Chức danh	Tổng số lượng cổ phiếu được phân phối
1	Tổng giám đốc	60% tổng số lượng cổ phiếu phát hành
	Phó Tổng giám đốc	
	Quản lý cấp cao - nhóm 2	
	Quản lý cấp cao - nhóm 1	
	Quản lý cấp trung - nhóm 2	
	Quản lý cấp trung - nhóm 1	
2	Quản lý cấp cơ sở	40% tổng số lượng cổ phiếu phát hành
	Nhân sự chuyên môn nghiệp vụ - nhóm 2	
	Nhân sự chuyên môn nghiệp vụ - nhóm 1	

2. Số lượng cổ phiếu phân phối cho từng CBNV được xác định theo công thức sau:

$$\text{Số lượng cổ phiếu phân phối cho từng CBNV} = \frac{\text{Hệ số phân phối} \times \text{Tổng số lượng cổ phiếu được phân phối của nhóm}}{\text{Tổng số hệ số phân phối của nhóm CBNV}}$$

3. Hệ số phân phối cổ phiếu cho từng CBNV được xác định dựa vào: (1) Nhóm chức danh; (2) Xếp loại cá nhân năm 2025 và (3) Thâm niên công tác.

Hệ số phân phối = $(a_1) \times (b_1) \times (c_1)$. Trong đó:

- Hệ số theo chức danh (a_1): căn cứ chức danh tại thời điểm chốt danh sách người lao động tham gia Chương trình ESOP

Stt	Chức danh	Hệ số theo chức danh (a_1)
1	Tổng giám đốc	14.0
2	Phó Tổng giám đốc	10.0
3	Quản lý cấp cao - nhóm 2	7.0
4	Quản lý cấp cao - nhóm 1	5.0
5	Quản lý cấp trung - nhóm 2	4.0
6	Quản lý cấp trung - nhóm 1	3.0
7	Quản lý cấp cơ sở	2.5
8	Nhân sự chuyên môn nghiệp vụ - nhóm 2	1.5
9	Nhân sự chuyên môn nghiệp vụ - nhóm 1	1.0

- Hệ số theo xếp loại cá nhân (b_1): căn cứ xếp loại cá nhân năm 2025, trường hợp chưa có kết quả xếp loại 2025 thì căn cứ vào kết quả 6 tháng đầu năm 2026

Xếp loại cá nhân năm 2025	Cần cố gắng	Hoàn thành	Hoàn thành tốt	Hoàn thành xuất sắc
Hệ số (b_1)	0,8	1	1,05	1,1

- Hệ số theo thâm niên công tác (bao gồm cả thời gian thử việc, học việc) tính đến thời điểm chốt danh sách người lao động tham gia Chương trình ESOP (c_1):

Thâm niên công tác (năm)	$01 \leq N < 05$	$05 \leq N < 10$	$10 \leq N < 15$	$15 \leq N$
Hệ số (c_1)	1,00	1,05	1,10	1,15

4. Nguyên tắc làm tròn: Số lượng cổ phiếu phân phối cho từng CBNV được xác định theo công thức như tại Khoản 1 Điều này và được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
5. Phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: giao Hội đồng quản trị thông qua đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Vietbank.

Điều 8. Quyền lợi khi tham gia Chương trình ESOP

CBNV tham gia Chương trình ESOP sẽ được các quyền lợi sau:

1. Được mua số lượng cổ phiếu theo các tiêu chí lựa chọn theo Quy chế này;
2. Được toàn quyền quyết định mua hoặc từ chối mua toàn bộ hoặc một phần số lượng cổ phiếu được phân phối theo Chương trình ESOP;
3. Được hưởng đầy đủ quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông theo quy định của pháp luật, ngoại trừ việc hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Quy chế này.

Điều 9. Phân phối cổ phiếu

1. Ban điều hành ESOP tiến hành đánh giá CBNV thông qua các nội dung tại Điều 6 Quy chế này để lựa chọn các CBNV đủ tiêu chuẩn tham gia Chương trình ESOP.
2. Ban điều hành ESOP lập danh sách xét chọn và số lượng cổ phiếu mà thành viên ESOP có thể được mua theo quy định tại Điều 7 Quy chế này dựa trên đối tượng, tiêu chuẩn và nguyên tắc xác định số cổ phiếu cho từng CBNV đã được ĐHCĐ phê duyệt và trình HĐQT thông qua.
3. Vietbank sẽ phân phối cổ phiếu cho thành viên ESOP trong thời hạn quy định sau khi được sự chấp thuận bằng văn bản của UBCKNN về việc tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động của Vietbank.

Điều 10. Hạn chế chuyển nhượng

1. Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu ESOP: CBNV đủ điều kiện tham gia Chương trình ESOP không được chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình.
2. Chuyển nhượng cổ phiếu ESOP: Cổ phiếu phát hành theo Chương trình ESOP 2026 sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 100% trong năm đầu kể từ ngày kết thúc đợt phát hành. Kể từ năm thứ hai, cổ đông được phép chuyển nhượng tối đa 30% số cổ phiếu ESOP trong năm thứ hai, tối đa 30% trong năm thứ ba và tối đa 40% trong năm thứ tư. Ngoại trừ trường hợp cổ phiếu được mua lại theo Quy chế phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP và cổ phiếu phát sinh thêm từ cổ tức của cổ phiếu ESOP.

Điều 11. Phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết và số cổ phiếu lẻ

1. Đối với số cổ phiếu không phân phối hết (do người lao động từ chối mua hoặc mua không hết số cổ phiếu được quyền mua hoặc trong thời gian từ lúc HĐQT thông qua danh sách người lao động được tham gia Chương trình ESOP năm 2026 đến thời điểm UBCKNN công bố về việc nhận đủ tài liệu báo cáo phát hành người lao động không còn đủ tiêu chuẩn được tham gia Chương trình ESOP năm 2026, hoặc vì các lý do khác) và số cổ phiếu lẻ (là số cổ phiếu thừa do việc làm tròn xuống khi áp dụng công thức phân phối cổ phiếu), HĐQT được toàn quyền phân phối số cổ phiếu này cho các đối tượng khác là người lao động đáp ứng các tiêu chuẩn xét chọn được quyền mua cổ phiếu ESOP khác có tên trong danh sách duyệt mua cổ phiếu lần này.

Chiep

2. Giá chào bán và điều kiện hạn chế chuyển nhượng của sổ cổ phiếu này tương tự như đối với cổ phiếu chào bán cho người lao động theo Chương trình ESOP năm 2026.
3. Trường hợp HĐQT không phân phối hết số lượng cổ phiếu này thì số lượng cổ phiếu không phát hành hết sẽ được hủy bỏ và kết thúc đợt phát hành.

Điều 12. Mua lại cổ phiếu đã phát hành theo Chương trình ESOP

1. Các trường hợp bị mua lại cổ phiếu:
 - a. Trong thời gian hạn chế chuyển nhượng, CBNV sẽ bị chấm dứt tư cách thành viên ESOP và bị mua lại (thành viên ESOP buộc phải bán lại) toàn bộ số cổ phiếu nếu thuộc 01 (một) trong các trường hợp sau đây:
 - Vi phạm pháp luật hoặc nội quy lao động, quy định của Vietbank và Vietbank đã công bố quyết định thi hành kỷ luật lao động;
 - Chấm dứt hợp đồng lao động với Vietbank vì bất kỳ lý do gì (bao gồm cả việc Hợp đồng lao động hết hạn và không được Vietbank gia hạn/tái ký), ngoại trừ các trường hợp sau:
 - + Được điều động, chuyển công tác theo quyết định của Vietbank;
 - + Nghỉ hưu theo đúng quy định của pháp luật;
 - + Tai nạn, bệnh tật, mất sức lao động không thể tiếp tục làm việc tại Vietbank;
 - + Thành viên ESOP qua đời (toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh sẽ được thừa kế theo quy định của pháp luật).
 - b. Tùy từng trường hợp cụ thể được quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị quyết định việc chấm dứt/không chấm dứt tư cách thành viên ESOP và mua lại/không mua lại một phần/toàn bộ số cổ phiếu của thành viên ESOP.

2. Giá mua lại cổ phiếu: Bằng giá phát hành.

3. Xử lý cổ phiếu mua lại:

Vietbank mua lại cổ phiếu theo quy định tại khoản 1 Điều này và xử lý như sau:

- Việc mua lại số cổ phiếu đã phát hành: thực hiện các thủ tục theo quy định tại khoản 6 Điều 36 Luật Chứng khoán 2019. Cổ phiếu đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng được Vietbank mua lại không bị hạn chế chuyển nhượng; Vietbank được phép bán ra số cổ phiếu đã được mua lại phù hợp với quy định pháp luật.
- Việc bán ra số cổ phiếu đã mua lại: thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về chứng khoán, Vietbank đảm bảo việc bán ra phù hợp với quy định pháp luật tại từng thời điểm.
- Giao HĐQT thông qua các trường hợp được mua lại cổ phiếu đã phát hành và bán ra số cổ phiếu mua lại.

Điều 13. Nghĩa vụ của CBNV khi tham gia Chương trình ESOP

CBNV tham gia chương trình phải đảm bảo tuân thủ các quy định về nghĩa vụ của cổ đông phổ thông và tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Điều 62, Điều 63 Luật Các TCTD 2024 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các nghĩa vụ sau:

1. Nghĩa vụ tuân thủ quy định về nguồn vốn mua cổ phiếu:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần theo Chương trình ESOP tại Vietbank.
 - Không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần theo Chương trình ESOP tại Vietbank.
 - Không được góp vốn, mua cổ phần của Vietbank dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật.
2. Nghĩa vụ tuân thủ quy định liên quan đến giới hạn sở hữu cổ phần:
- Chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định của Luật Các TCTD 2024 về giới hạn sở hữu cổ phần của cổ đông, cổ đông và người có liên quan.
 - Chịu trách nhiệm tuân thủ quy định của pháp luật về cổ đông lớn, cổ đông lớn và người có liên quan. CBNV được phân bổ cổ phiếu ESOP có trách nhiệm kê khai người có liên quan và cam kết tuân thủ qui định về giới hạn sở hữu cổ phần theo qui định của pháp luật hiện hành. Trường hợp việc phân phối ESOP làm vượt giới hạn sở hữu theo qui định pháp luật, Ban điều hành ESOP có quyền điều chỉnh số lượng cổ phần phân phối để đảm bảo tuân thủ qui định.
3. Nghĩa vụ khác có liên quan:
- Thanh toán đủ số tiền tương ứng với số cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do Vietbank quy định.
 - Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi Vietbank dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Vietbank, trừ trường hợp quy định tại Điều 65 của Luật Các TCTD 2024.
 - Tuân thủ Điều lệ và các quy định nội bộ của Vietbank.
 - Chấp hành nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
 - Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Vietbank dưới mọi hình thức để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - Bảo mật thông tin được Vietbank cung cấp theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Vietbank; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; không được phát tán, sao, gửi thông tin được Vietbank cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
 - Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật (nếu thuộc đối tượng công bố thông tin) và hoàn toàn chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin này.
 - Thực hiện đầy đủ các khoản thuế, phí thuộc trách nhiệm của người mua/cổ đông theo quy định của pháp luật (nếu có).
 - Tự chịu trách nhiệm tìm hiểu thông tin và được toàn quyền quyết định.

Điều 14. Thủ tục đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu

CBNV thực hiện thủ tục đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu theo Thông báo của HĐQT sau khi Vietbank nhận được văn bản của UBCKNN về việc tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động của Vietbank.

Choi

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Trách nhiệm

1. Trung tâm Nguồn Nhân lực:

- Lập và đề xuất danh sách CBNV tham gia chương trình ESOP theo đúng nguyên tắc phân bổ.
- Chịu trách nhiệm theo dõi, cập nhật cho các đơn vị có liên quan về danh sách CBNV thuộc các trường hợp được nêu tại Khoản 1 Điều 12 của Quy chế này.
- Chịu trách nhiệm truyền thông ý nghĩa, mục đích của chương trình và giải đáp các thắc mắc liên quan đến chương trình cho CBNV.

2. Văn phòng Hội đồng quản trị:

- Thực hiện các thủ tục pháp lý với các cơ quan chức năng khi phát hành ESOP.
- Hỗ trợ CBNV đăng ký mua và chuyển nhượng cổ phiếu theo chương trình ESOP.

3. Cán bộ nhân viên:

- Hiểu rõ và tuân thủ các quy định trong Quy chế này.
- Thực hiện kê khai, đăng ký mua cổ phiếu ESOP và cam kết bằng văn bản đảm bảo thực hiện đúng các quy định, nghĩa vụ được nêu tại Quy chế này.
- Ghi nhận Chương trình ESOP như là sự thiện chí và hỗ trợ tích cực từ Vietbank nhằm tưởng thưởng cho sự đóng góp và gắn bó của CBNV. Từ đó, mỗi CBNV ngày càng nỗ lực hơn trong việc phát triển bản thân, nâng cao hiệu quả công việc, góp phần tích cực vào sự tăng trưởng và phát triển bền vững của Vietbank.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ĐHQCTD thường niên năm 2026 thông qua.
2. Trong Quy chế này, bất kỳ dẫn chiếu nào đến bất cứ hoặc trình bày từ cơ sở quy định hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc các văn bản pháp luật thay thế chúng. Khi có nội dung nào trong Quy chế này trái hoặc không còn phù hợp với các quy định của pháp luật thì mặc nhiên nội dung đó sẽ không còn hiệu lực, nhưng không ảnh hưởng đến các quy định khác của Quy chế này.
3. Đối với những nội dung trong Quy chế này không còn phù hợp với các quy định của pháp luật được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới sau ngày ban hành Quy chế này thì sẽ áp dụng trực tiếp các quy định pháp luật đó trước khi điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế này.
4. Những nội dung khác chưa được đề cập trong Quy chế này thì thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật và các quy định khác của Vietbank.

M.S.D.N: 2200269805
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI
CỔ PHẦN
VIỆT NAM
THƯƠNG TÍN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
DƯƠNG NHẤT NGUYỄN

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Vốn điều lệ: 10.768.973.840.000 đồng.

Vốn cổ phần có quyền biểu quyết: 10.768.973.840.000 đồng.

Tổng số cổ phần: 1.076.897.384 cổ phần.

Mệnh giá: 10.000 đồng

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CỔ ĐÔNG CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN SO VỚI VỐN CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT VÀ SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ THỜI ĐIỂM TRƯỚC KHI TĂNG VỐN (Tại thời điểm ngày 31/3/2026)

STT	Tên cổ đông	Tên là người có liên quan đến cổ đông	Quốc tịch (bao gồm cổ đông/người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức/người có liên quan của cổ đông)	Địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức	Mã số DN của cổ đông và người có liên quan là tổ chức	Số, ngày cấp, nơi cấp CMND/CCCD/CC/số định danh của cá nhân có quốc tịch Việt Nam (bao gồm cổ đông/người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức/người có liên quan của cổ đông)	Hộ chiếu đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam bao gồm cổ đông/người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức/người có liên quan của cổ đông là người nước ngoài	Người đại diện theo pháp luật (trường hợp cổ đông/Người liên quan là tổ chức)	Số, ngày cấp, nơi cấp, số định danh/CMND/CCCD/CC của Người đại diện theo pháp luật (trường hợp cổ đông/Người liên quan là tổ chức)	Mối quan hệ liên quan giữa cổ đông và người có liên quan	Sở hữu cổ phần của cổ đông và người có liên quan tại TCTD báo cáo	
											Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%) so với tổng số cổ phần
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm trước khi tăng vốn												
1	Không có											

Sóc Trăng, ngày 21 tháng 04 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT

[Signature]

DƯƠNG NHẬT NGUYỄN

M.S.D.N: 2200269805
NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI
CỔ PHẦN
VIỆT NAM
THƯƠNG TÍN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Clay

fb

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Vốn điều lệ: 11.845.871.220.000 đồng.
Vốn cổ phần có quyền biểu quyết: 11.845.871.220.000 đồng.
Tổng số cổ phần, cổ phiếu: 1.184.587.122 cổ phiếu
Mệnh giá: 10.000 đồng

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CỔ ĐÔNG CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN SO VỚI VỐN CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT VÀ SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ THỜI ĐIỂM SAU KHI TĂNG VỐN LẦN 1

STT	Tên cổ đông	Tên là người có liên quan đến cổ đông	Quốc tịch (bao gồm cổ đông/người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức/người có liên quan của cổ đông)	Địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức	Mã số DN của cổ đông và người có liên quan là tổ chức	Số, ngày cấp, nơi cấp CMND/CCCD/CC/số định danh của cá nhân có quốc tịch Việt Nam (bao gồm cổ đông/người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức/người có liên quan của cổ đông)	Hộ chiếu đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam bao gồm cổ đông/người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức/người có liên quan của cổ đông là người nước ngoài	Người đại diện theo pháp luật (trường hợp cổ đông/Người liên quan là tổ chức)	Số, ngày cấp, nơi cấp, số định danh/CMND/CCCD/C của Người đại diện theo pháp luật (trường hợp cổ đông/Người liên quan là tổ chức)	Mối quan hệ liên quan giữa cổ đông và người có liên quan	Sở hữu cổ phần của cổ đông và người có liên quan tại TCTD báo cáo	
											Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%) so với tổng số cổ phần
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm trước khi tăng vốn												
1	Không có											

Sóc Trăng, ngày 21 tháng 04 năm 2026
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CHỦ TỊCH HĐQT
CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
DƯƠNG NHẤT NGUYÊN

Uai

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Vốn điều lệ: 11.845.871.220.000 đồng.

Vốn cổ phần có quyền biểu quyết: 11.845.871.220.000 đồng.

Tổng số cổ phần, cổ phiếu: 1.184.587.122 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 đồng

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CỔ ĐÔNG CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN SO VỚI VỐN CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT VÀ SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ THỜI ĐIỂM TRƯỚC KHI TĂNG VỐN

STT	Tên cổ đông	Tên là người có liên quan đến cổ đông	Quốc tịch (bao gồm cổ đông/người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức/người có liên quan của cổ đông)	Địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức	Mã số DN của cổ đông và người có liên quan là tổ chức	Số, ngày cấp, nơi cấp CMND/CCCD/CC/số định danh của cá nhân có quốc tịch Việt Nam (bao gồm cổ đông/người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức/người có liên quan của cổ đông)	Hộ chiếu đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam bao gồm cổ đông/người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức/người có liên quan của cổ đông là người nước ngoài	Người đại diện theo pháp luật (trường hợp cổ đông/Người liên quan là tổ chức)	Số, ngày cấp, nơi cấp, số định danh/CMND/CCCD/CC của Người đại diện theo pháp luật (trường hợp cổ đông/Người liên quan là tổ chức)	Mối quan hệ liên quan giữa cổ đông và người có liên quan	Sở hữu cổ phần của cổ đông và người có liên quan tại TCTD báo cáo	
											Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%) so với tổng số cổ phần
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm trước khi tăng vốn												
1	Không có											

Sóc Trăng, ngày 01...tháng 04...năm 2026
 NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 CHỦ TỊCH HĐQT
 THƯƠNG MẠI
 CỔ PHẦN
 VIỆT NAM
 THƯƠNG TÍN
 THÀNH PHỐ CẦN GIỜ
 ĐƯƠNG NHẤT NGUYÊN

Chức



Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Vốn điều lệ: 14.807.339.020.000 đồng.

Vốn cổ phần có quyền biểu quyết: 14.807.339.020.000 đồng.

Tổng số cổ phần, cổ phiếu: 1.480.733.902 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 đồng

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CỔ ĐÔNG CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN SO VỚI VỐN CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT VÀ SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ THỜI ĐIỂM SAU KHI TĂNG VỐN LẦN 2

STT	Tên cổ đông	Tên là người có liên quan đến cổ đông	Quốc tịch (bao gồm cổ đông/người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức/người có liên quan của cổ đông)	Địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức	Mã số DN của cổ đông và người có liên quan là tổ chức	Số, ngày cấp, nơi cấp CMND/CCCD/CC/số định danh của cá nhân có quốc tịch Việt Nam (bao gồm cổ đông/người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức/người có liên quan của cổ đông là người nước ngoài)	Hộ chiếu đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam bao gồm cổ đông/người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức/người có liên quan của cổ đông là người nước ngoài	Người đại diện theo pháp luật (trường hợp cổ đông/Người liên quan là tổ chức)	Số, ngày cấp, nơi cấp, số định danh/CMND/CCCD/C của Người đại diện theo pháp luật (trường hợp cổ đông/Người liên quan là tổ chức)	Mối quan hệ liên quan giữa cổ đông và người có liên quan	Sở hữu cổ phần của cổ đông và người có liên quan tại TCTD báo cáo	
											Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%) so với tổng số cổ phần
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm trước khi tăng vốn												
1	Không có											



Sóc Trăng, ngày 21 tháng 04 năm 2026
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT

DƯƠNG NHẤT NGUYÊN

Uae

h

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Vốn điều lệ: 14.807.339.020.000 đồng.

Vốn cổ phần có quyền biểu quyết: 14.807.339.020.000 đồng.

Tổng số cổ phần, cổ phiếu: 1.480.733.902 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 đồng

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CỔ ĐÔNG CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN SO VỚI VỐN CỔ PHẦN
CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT VÀ SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ THỜI ĐIỂM TRƯỚC KHI TĂNG VỐN**

STT	Tên cổ đông	Tên là người có liên quan đến cổ đông	Quốc tịch (bao gồm cổ đông/người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức/người có liên quan của cổ đông)	Địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức	Mã số DN của cổ đông và người có liên quan là tổ chức	Số, ngày cấp, nơi cấp CMND/CCCD/CC/số định danh của cá nhân có quốc tịch Việt Nam (bao gồm cổ đông/người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức/người có liên quan của cổ đông là người nước ngoài)	Hộ chiếu đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam bao gồm cổ đông/người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức/người có liên quan của cổ đông là người nước ngoài	Người đại diện theo pháp luật (trường hợp cổ đông/Người liên quan là tổ chức)	Số, ngày cấp, nơi cấp, số định danh/CMND/CCCD/CC của Người đại diện theo pháp luật (trường hợp cổ đông/Người liên quan là tổ chức)	Mối quan hệ liên quan giữa cổ đông và người có liên quan	Sở hữu cổ phần của cổ đông và người có liên quan tại TCTD báo cáo	
											Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%) so với tổng số cổ phần
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm trước khi tăng vốn												
1	Không có											



Sóc Trăng, ngày 21 tháng 04 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT

DƯƠNG NHẬT NGUYỄN

Handwritten signature

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Vốn điều lệ: 15.547.705.970.000 đồng.

Vốn cổ phần có quyền biểu quyết: 15.547.705.970.000 đồng.

Tổng số cổ phần, cổ phiếu: 1.554.770.597 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 đồng

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CỔ ĐÔNG CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN SO VỚI VỐN CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT VÀ SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ THỜI ĐIỂM SAU KHI TĂNG VỐN LẦN 3

STT	Tên cổ đông	Tên là người có liên quan đến cổ đông	Quốc tịch (bao gồm cổ đông/người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức/người có liên quan của cổ đông)	Địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức	Mã số DN của cổ đông và người có liên quan là tổ chức	Số, ngày cấp, nơi cấp CMND/CCCD/CC/số định danh của cá nhân có quốc tịch Việt Nam (bao gồm cổ đông/người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức/người có liên quan của cổ đông)	Hộ chiếu đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam bao gồm cổ đông/người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức/người có liên quan của cổ đông là người nước ngoài	Người đại diện theo pháp luật (trường hợp cổ đông/Người liên quan là tổ chức)	Số, ngày cấp, nơi cấp, số định danh/CMND/CCCD/C của Người đại diện theo pháp luật (trường hợp cổ đông/Người liên quan là tổ chức)	Mối quan hệ liên quan giữa cổ đông và người có liên quan	Sở hữu cổ phần của cổ đông và người có liên quan tại TCTD báo cáo	
											Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%) so với tổng số cổ phần
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm trước khi tăng vốn												
1	Không có											

Sóc Trăng, ngày 21 tháng 04 năm 2026
 NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 CHỦ TỊCH HĐQT

 DƯƠNG NHẬT NGUYỄN

Uac

1